

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 26**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3185-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1968-QĐ/TU ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Xét Tờ trình số 3143/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Cao Bằng năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.335 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao
 - Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 15.453 biên chế (94,60%);
 - Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 882 biên chế (5,4%);
2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.391** biên chế (33%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 4.817 biên chế (89,35%).
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 574 biên chế (10,65%).
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.939** biên chế (66,97%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.636 biên chế (97,23%);
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 303 biên chế (2,77%).
 - Biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập: **05** biên chế (0,03%).

II. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 76 biên chế, trong đó:

1. Cấp tỉnh: 65 biên chế;
2. Cấp huyện: 10 biên chế;
3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 01 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Phụ lục

PHÊ DUYỆT TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI ĐƯỢC ĐĂNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.335	15.453	882	11.613	389	2.808	423	470	23	41	5	521	42
I	Sở, ban, ngành	5.391	4.817	574	1.367	86	2.808	423	281	23	41	5	320	37
1	Sở Nội vụ	15	14	1									14	1
2	Sở Tư pháp	40	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	24	22	2									22	2
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	131	13									131	13
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	67	8									67	8
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0									21	0
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	165	31	100	31	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	204	14					204	14				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	39	5							39	5		

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.322	1267	55	1267	55								
11	Sở Y tế	3.166	2743	423			2743	423						
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0									7	0
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	17	17	0									17	0
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	0	11									0	11
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	77	9					77	9				
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0									3	0
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0							2	0		
II	UBND các huyện, thành phố	10.939	10.636	303	10.246	303	0	0	189	0	0	0	201	0
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.387	1347	40	1.312	40			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.204	1164	40	1.141	40			12				11	
3	UBND huyện Hà Quảng	1.602	1567	35	1.515	35			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	561	546	15	519	15			16				11	
5	UBND huyện Hoà An	953	933	20	901	20			13				19	

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
6	UBND huyện Nguyên Bình	947	919	28	886	28			17				16	
7	UBND huyện Quảng Hoà	1.266	1236	30	1.187	30			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	706	680	26	651	26			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	1.314	1275	39	1.223	39			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	999	969	30	911	30			20				38	
III	Số biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	5	0	5									0	5
B	CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ	76	76	0										
I	Các hội ở cấp tỉnh	65	65	0										
1	Liên minh Hợp tác xã	14	14	0										
2	Hội Văn học nghệ thuật	7	7	0										
3	Hội Chữ thập đỏ	9	9	0										
4	Hội Người mù	5	5	0										
5	Hội Đông y	6	6	0										

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
6	Hội Nhà báo	5	5	0										
7	Hội Khuyến học	1	1	0										
8	Hội Luật gia	1	1	0										
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1	1	0										
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6	6	0										
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1	1	0										
12	Hội Làm vườn	3	3	0										
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1	1	0										
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1	1	0										
15	Hội Kiến trúc sư	1	1	0										
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1	1	0										
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2	0										
II	Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố	10	10	0										
1	Bảo Lâm	1	1	0										

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
2	Bảo Lạc	1	1	0										
3	Hà Quảng	1	1	0										
4	Hạ Lang	1	1	0										
5	Hòa An	1	1	0										
6	Nguyên Bình	1	1	0										
7	Quảng Hòa	1	1	0										
9	Thạch An	1	1	0										
12	Trùng Khánh	1	1	0										
13	Thành phố Cao Bằng	1	1	0										
III	Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính	1	1	0										